

MỘT SỐ GIẢI PHÁP TĂNG ĐỘNG LỰC HỌC TIẾNG ANH TRỰC TUYẾN CHO SINH VIÊN KHÔNG CHUYÊN NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ THEO ĐỀ ÁN HỌC KẾT HỢP TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

HOW TO INCREASE NON-ENGLISH MAJORED STUDENTS' MOTIVATION TO LEARN ENGLISH ONLINE MORE EFFECTIVELY IN THE BLENDED-LEARNING PROJECT AT HANOI UNIVERSITY OF INDUSTRY

Đỗ Thanh Loan^{1*}, Đỗ Thị Huyền¹

TÓM TẮT

Động lực của người học đóng một vai trò quan trọng trong sự thành công của việc học ngôn ngữ thứ hai nói chung và học tiếng Anh theo đề án Học kết hợp nói riêng. Tuy nhiên, động lực là một khái niệm phức tạp và bao gồm nhiều mặt. Vì vậy, mục đích của bài báo này là nhằm tìm hiểu về khái niệm về động lực học tập của người học trong bối cảnh học tiếng Anh trực tuyến, các loại động lực khác nhau; những yếu tố ảnh hưởng đến động lực của người học, từ đó nhóm tác giả đề xuất những giải pháp để làm tăng và duy trì động lực cho sinh viên không chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật Ô tô trong việc học tiếng Anh trực tuyến theo đề án Học kết hợp tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội góp phần tăng tính hiệu quả của đề án này.

Từ khóa: Động lực, các loại động lực, yếu tố ảnh hưởng, giải pháp, học kết hợp.

ABSTRACT

It is the fact that learners' motivation plays a significant role in the success of second language teaching in general and in the Blended-learning project at Hanoi University of Industry (HaUI) in particular. Learners' motivation, however, is a complex and multifaceted construct. As a result, this study is conducted to explore the main body of literature on learners' motivation in the context of blended-learning. It also aims to discuss the different types of motivation, some factors that affect learners' motivation; accordingly, the writers suggest some solutions in order to generate and maintain motivation for non-English majored students of Automotive Technology in the Blended-learning project at HaUI with the hope of improving the effectiveness of this project.

Keywords: Motivation, different types of motivation, influential factors, solution, blended learning.

¹Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

*Email: dothanhloanhau@gmail.com

Ngày nhận bài: 28/1/2021

Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 18/6/2021

Ngày chấp nhận đăng: 27/12/2021

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ngày nay, cùng với sự bùng nổ của công nghệ thông tin, giáo dục đang dần thay đổi về phương pháp cũng như cách tiếp cận để đáp ứng với nhu cầu của người học trong tình hình mới. "Học kết hợp" (Blended-learning) đang trở thành xu hướng của hiện tại và tương lai vì những hiệu quả nó mang đến cho người học. Tuy nhiên, nó cũng mang đến nhiều khó khăn, thách thức vì đó là một đường hướng tiếp cận mới. Trong đề án Học kết hợp tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, sinh viên sẽ phải chủ động tự học những kiến thức về từ vựng, ngữ pháp và luyện tập các kỹ năng nghe, đọc, viết trên trang học trực tuyến của nhà trường (Eop.edu.vn) trước mỗi buổi học trên lớp với giáo viên để luyện tập kỹ năng nói. Việc học kết hợp này chỉ thực sự thành công khi người học có động cơ và động lực học tập rõ ràng. Vì vậy, mục đích của bài báo này nhằm tìm hiểu về động lực trong việc học ngôn ngữ thứ hai, các loại động lực khác nhau, các yếu tố ảnh hưởng đến động lực của người học và đề xuất một số giải pháp để tạo ra và duy trì động lực cho người học trong quá trình dạy và học.

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Động cơ học tập

Theo Dương Thị Kim Oanh [7], động cơ là yếu tố tâm lý phản ánh đối tượng có khả năng thỏa mãn nhu cầu của chủ thể, định hướng, thúc đẩy và duy trì hoạt động của chủ thể nhằm chiếm lĩnh đối tượng đó.

Đỗ Hữu Tài, Lâm Thành Hiển và Nguyễn Thanh Lâm cho rằng động cơ học tập khác nhau sẽ làm cho người học có cách tiếp cận với hoạt động học tập khác nhau và làm cho khả năng của họ cũng sẽ khác nhau [9]. Điều này có nghĩa là có sự khác biệt đáng kể về khả năng học tập của người có động cơ học tập rõ ràng và người không có động cơ học tập. Người có động cơ học tập đúng đắn sẽ chủ động hơn

trong học tập, thi cử trung thực hơn, và họ quan tâm đến kỹ năng học và tự học, trau dồi các kỹ năng cần thiết cho tương lai của người học. Như vậy, động cơ học tập có vai trò quan trọng trong việc định hướng, kích thích hoạt động học tập của người học.

2.2. Động lực học tập

Động lực học tập được định nghĩa là “một số loại động lực bên trong thúc đẩy ai đó làm mọi thứ để đạt được điều gì đó” [10]. Theo Brown, động lực là một thuật ngữ được sử dụng để xác định sự thành công hay thất bại của bất kỳ nhiệm vụ phức tạp nào [3]. Dörnyei cho rằng động lực chịu trách nhiệm cho việc tại sao mọi người quyết định làm điều gì đó, họ sẵn sàng duy trì hoạt động trong bao lâu và họ sẽ theo đuổi nó như thế nào [5]. Động lực học tập là khao khát, mong muốn, hào hứng, cảm thấy có trách nhiệm và đầy nhiệt huyết trong quá trình học tập [2], là sự nỗ lực cố gắng để hoàn thành có kết quả một công việc nào đó [6].

Như vậy, động cơ là lý do để chúng ta muốn làm một việc cụ thể gì đó, còn động lực là lý do sâu thẳm thường trực, dẫn dắt chúng ta thực hiện một chuỗi các hành động đó [9].

2.3. Các loại động lực

Theo Phan Trọng Ngọ, động lực bao gồm hai loại: động lực bên trong và động lực bên ngoài [12].

Động lực bên trong là những nhân tố bên trong của người học thúc đẩy họ hoàn thành nhiệm vụ và nó bắt nguồn từ sự thỏa mãn, yêu thích công việc mà họ đang làm, từ sự hưng phấn, thích thú khi học tập. Trong nghiên cứu [4] chỉ ra rằng một người có động lực bên trong không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố bên ngoài ví dụ như: phần thưởng hoặc hình phạt. Ngoài ra, những người có động lực bên trong thực hiện công việc là do họ cảm thấy vui khi hoàn thành nhiệm vụ.

Động lực bên ngoài là những yếu tố bên ngoài tác động đến hành động của người học. Những yếu tố đó thường là phần thưởng hoặc hình phạt. Không giống như người có động lực bên trong, một người có động lực bên ngoài có thể thực hiện nhiệm vụ chỉ với một mục đích là nhận được phần thưởng hoặc tránh bị phạt [4].

2.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến động lực của người học

Có năm yếu tố chính ảnh hưởng đến động lực học tập của sinh viên: giáo viên, sinh viên, nội dung của khóa học, phương pháp giảng dạy và môi trường học tập.

2.4.1. Giáo viên

Ushida cho rằng giáo viên có thể ảnh hưởng đến động lực và thái độ của sinh viên thông qua việc tạo ra một môi trường học tập thoải mái cho sinh viên. Giáo viên là nhân tố chính tạo ra sự thích thú với môn học [13]. Theo như Williams và Burden, một người giáo viên giỏi đóng vai trò trung tâm trong quá trình tạo động lực cho người học. Sự tương tác giữa giáo viên và người học bao gồm việc trao đổi trải nghiệm học tập, phản hồi, phần thưởng, sự khích lệ và hình phạt được cho là các yếu tố ảnh hưởng đến động lực của người học [14]. Williams cũng gợi ý giáo viên nên:

(a) chỉ rõ những lý do thực sự cho việc học ngôn ngữ thứ 2 của sinh viên; (b) giúp sinh viên xây dựng được mục tiêu học tập vừa sức; (c) chỉ rõ cho sinh viên những lợi ích của việc học ngôn ngữ thứ hai; (d) tạo ra một môi trường giảng dạy an toàn, thân thiện và thoải mái; (e) thúc đẩy sinh viên tạo động lực bên trong.

2.4.2. Sinh viên

Có một sự liên quan mật thiết giữa thái độ tích cực và động lực của người học trong sự thành công của việc học ngôn ngữ. Ushida cho rằng những sinh viên có động lực học tập thường học một cách đều đặn và hiệu quả để hoàn thiện các kỹ năng ngôn ngữ của họ. Một yếu tố quan trọng khác cũng cần được xem xét đó là động lực tự thân vì nó có thể định hướng quá trình học tập và thành tích của họ bằng việc thiết lập các mục tiêu cho chính họ bằng việc áp dụng các chiến lược phù hợp để đạt được mục tiêu và bằng cách liệt kê các ảnh hưởng tự điều chỉnh đối với kiến thức và mục tiêu kỹ năng mà họ đã đặt ra cho bản thân và những cam kết để vượt qua những thách thức này. Việc tự tạo động lực của người học được nhấn mạnh như là một trong những yếu tố quan trọng nhất ảnh hưởng đến động lực nói chung [13].

2.4.3. Nội dung khóa học

Olson cho rằng động lực của sinh viên phụ thuộc vào khả năng giáo viên đáp ứng được nhu cầu của sinh viên trên các phương diện: (a) sinh viên có cảm giác làm chủ việc học của mình; (b) sinh viên cảm thấy có năng lực; (c) sinh viên cảm thấy được kết nối với người khác [11]. Cũng như vậy, nội dung của khóa học cũng phải đáp ứng được các nhu cầu này của sinh viên. Điều quan trọng là nội dung đó phải chính xác và được cung cấp đúng thời điểm. Nội dung cũng nên phù hợp, xác đáng và hữu ích với cuộc sống của họ.

2.4.4. Phương pháp giảng dạy

Theo Alderman, phương pháp là cách thức nội dung được trình bày, truyền tải tới người học, là cách giáo viên dẫn dắt và hướng dẫn người học. Bất cứ khi nào người học cảm thấy chán với phương pháp của giáo viên, họ sẽ mất hoặc giảm động lực học tập. Hai đường hướng cơ bản để hỗ trợ và nuôi dưỡng động lực của người học là: (a) tạo ra một phương pháp và cấu trúc lớp học mà ở đó giáo viên cung cấp một môi trường để tối ưu hóa động lực học tập, sự tham gia và học tập của sinh viên; (b) giúp sinh viên phát triển được các công cụ giúp họ tự điều chỉnh việc học tập của họ [1].

2.4.5. Môi trường học tập

Môi trường học tập là các yếu tố tác động đến quá trình học tập của học sinh bao gồm môi trường vật chất và môi trường tinh thần.

Môi trường vật chất là không gian diễn ra quá trình dạy học gồm có đồ dùng dạy học như bảng, bàn ghế, sách vở, nhiệt độ ánh sáng, âm thanh, Internet,...

Môi trường tinh thần là mối quan hệ giữa giáo viên với học sinh, học sinh với học sinh, giữa nhà trường - gia đình - xã hội, tâm lý, phong cách của giáo viên trong môi trường lớp.

Tiếp cận từ phương diện lý luận dạy học, thiết kế bài học nhằm tích cực hoá học tập, tác giả Đặng Thành Hưng

đặt ra vấn đề thiết kế môi trường học tập [8]. Nhìn chung, thiết kế môi trường học tập là tổ chức tất cả những yếu tố mục tiêu học tập, nội dung, hoạt động, phương tiện... thành một hệ thống các tình huống vật chất mà người dạy và người học trực tiếp tác động đến và qua đó tác động với nhau. Có thể kể đến các kiểu môi trường học tập sau đây:

+ Giờ lên lớp là môi trường truyền thống và quen thuộc, trong đó có nhóm, tổ, môi trường thực hành... quy định cách bố trí bàn ghế, bảng, máy tính theo các sơ đồ khác nhau.

+ Môi trường dã ngoại: là những môi trường bên ngoài lớp học, công ty, nhà máy, địa điểm tham quan...

+ Môi trường trò chơi: là môi trường mang tính chất tự do được tổ chức mọi nơi như trong lớp, ngoài lớp, ở nhà.

+ Môi trường thực tiễn: là môi trường công việc thực sự như lao động, cơ sở vật chất....

- Theo địa bàn học tập, môi trường học tập được chia thành:

+ Môi trường học tập ở trường: Giáo dục nhà trường là hoạt động giáo dục theo mục đích, nội dung, phương pháp có chọn lọc trên cơ sở khoa học và thực tiễn nhất định.

+ Môi trường xã hội: Các quan hệ hiện hữu giữa con người với con người và giữa con người và vật chất xung quanh.

- Tiếp cận theo góc độ công nghệ thông tin, môi trường học tập có thể phân chia thành:

+ Môi trường học tập không gian thực tế: Không có ứng dụng công nghệ thông tin.

+ Môi trường học tập E-Learning (môi trường dạy học điện tử): Đây là thuật ngữ để chỉ mô hình học tập mới với sự trợ giúp của máy tính, nhưng về sau ý nghĩa của nó cao hơn bởi tính tích cực nhận thức có hiệu quả (effective). Mô hình học tập elearning đã tạo cơ hội học tập cho mọi người, học suốt đời, tạo ra sự bình đẳng về giáo dục cho mọi người. Học tập thông qua máy tính và mạng internet. Đây cũng là một môi trường học khá phổ biến trong thời gian gần đây khi mà công nghệ thông tin bùng nổ không ngừng nghỉ. Trong học tập bằng môi trường E-Learning thì định hướng giáo dục, định hướng thông tin là những vấn đề cốt lõi, quan trọng của dạy học trong môi trường tri thức rộng lớn.

Hầu hết các nhà giáo dục đều cho rằng môi trường học tập có tính tương tác, thúc đẩy có thể tạo động lực mạnh cho người học và nâng cao được sự thể hiện và sự phát triển cho mỗi cá nhân. Việc tạo ra không gian, thời gian, cải thiện quá trình tương tác và sử dụng các công cụ phù hợp luôn là điều quan trọng để giúp người học đạt được kết quả học tập mong muốn.

3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1. Bối cảnh nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội trong tháng 3 năm 2021 (học kỳ 2 năm học 2020 - 2021).

3.2. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu bao gồm 100 sinh viên chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật Ô tô đang học kỳ 2 của năm thứ hai. Những sinh viên này đã học xong các học phần Tiếng Anh Công nghệ Ô tô cơ bản 1, 2 và 3 của chương trình

Tiếng Anh Ô tô theo đề án Học kết hợp trong năm học thứ nhất, học kỳ một năm học thứ hai và đang tham gia học phần Tiếng Anh Công nghệ Ô tô cơ bản 4 của học kỳ 2.

3.3. Phương pháp nghiên cứu

Trong nghiên cứu này, dữ liệu được thu thập từ bảng khảo sát dành cho sinh viên. Bảng khảo sát được thiết kế gồm 9 ý hỏi nhằm mục đích tìm ra các yếu tố ảnh hưởng đến động lực học Tiếng Anh của sinh viên chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật Ô tô khi theo học chương trình tiếng Anh kết hợp.

Bảng khảo sát được gửi trực tiếp cho 100 sinh viên vào tuần thứ 8 của học kỳ 2 năm học 2020 - 2021. Các sinh viên này có thời gian một tuần để trả lời bảng hỏi, sau đó 100% các phiếu trả lời đã được thu về để phục vụ cho việc phân tích dữ liệu.

4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 1. Mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến động lực học Tiếng Anh của sinh viên trong bối cảnh học kết hợp trực tuyến và học trên lớp

| STT | Các yếu tố ảnh hưởng đến động lực học Tiếng Anh của sinh viên trong bối cảnh học kết hợp trực tuyến và học trên lớp | Mức độ ảnh hưởng | | | |
|-----|---|------------------|-------|-------|-------|
| | | 1 (%) | 2 (%) | 3 (%) | 4 (%) |
| 1 | Giáo viên thường xuyên trao đổi về trải nghiệm học tập, phản hồi về sự tiến bộ, điểm cần cải thiện của sinh viên và những khó khăn sinh viên gặp khi học chương trình kết hợp trực tuyến và học trên lớp. | 0 | 5 | 11 | 84 |
| 2 | Phản thưởng, sự khích lệ, hình phạt của giáo viên. | 26 | 32 | 29 | 13 |
| 3 | Giáo viên giúp sinh viên lập mục tiêu học tập vừa sức. | 0 | 3 | 16 | 81 |
| 4 | Nhận thức, ý chí của bản thân. | 0 | 8 | 25 | 67 |
| 5 | Nội dung khóa học (nguồn học liệu online, giáo trình học trên lớp) đáp ứng nhu cầu của xã hội. | 0 | 2 | 12 | 86 |
| 6 | Phương pháp giảng dạy của giáo viên (cách giáo viên dẫn dắt, hướng dẫn sinh viên, các hoạt động học tập giáo viên thiết lập, môi trường học tập trong lớp học mà giáo viên tạo ra...). | 0 | 3 | 10 | 87 |
| 7 | Cơ sở vật chất đáp ứng cho việc học kết hợp (điều kiện mạng Internet, điều kiện lớp học như máy chiếu, nhiệt độ, âm thanh, ánh sáng, bàn ghế...). | 0 | 11 | 36 | 53 |
| 8 | Môi trường tinh thần (mối quan hệ giữa giáo viên và sinh viên, giữa sinh viên và sinh viên, nhà trường - gia đình - xã hội, các yếu tố tâm lý...). | 6 | 12 | 29 | 53 |
| 9 | Các hoạt động ngoài lớp học (hoạt động câu lạc bộ Tiếng Anh E4U, hoạt động gia sư...). | 20 | 27 | 35 | 18 |

1 - Không ảnh hưởng; 2 - Ít ảnh hưởng; 3 - Có ảnh hưởng; 4 - Rất ảnh hưởng

Bảng 1 cho thấy, sinh viên đánh giá cao vai trò của giáo viên đến động lực học Tiếng Anh của sinh viên trong bối cảnh học kết hợp trực tuyến và học trên lớp. Cụ thể, yếu tố

phương pháp giảng dạy của giáo viên chiếm tỉ lệ cao nhất là 87%. Trong khi đó, chỉ kém 1%, xếp ở vị trí thứ hai là nội dung khóa học (nguồn học liệu online, giáo trình học trên lớp) đáp ứng nhu cầu của xã hội (86%). Vấn đề liên quan đến giáo viên, đứng ở vị trí thứ ba là việc giáo viên thường xuyên trao đổi về trải nghiệm học tập, phản hồi về sự tiến bộ, điểm cần cải thiện của sinh viên và những khó khăn sinh viên gặp khi học chương trình kết hợp trực tuyến và học trên lớp (84%). Tiếp theo, 81% sinh viên cho rằng việc giáo viên giúp sinh viên lập mục tiêu học tập vừa sức rất ảnh hưởng đến động lực học của sinh viên. Như vậy, có thể nói rằng, ngoại trừ yếu tố chiếm vị trí thứ 2 (*nội dung khóa học*) thì 3 trên 4 yếu tố đều liên quan đến giáo viên.

Cũng theo kết quả nghiên cứu này, có trên 2/3 số sinh viên được hỏi cho rằng nhận thức, ý chí của bản thân cũng đóng một vai trò quan trọng trong việc ảnh hưởng đến động lực học tiếng Anh của chính sinh viên (67%). Liên quan đến ý hỏi thứ 7 (Cơ sở vật chất đáp ứng cho việc học kết hợp - điều kiện mạng Internet, điều kiện lớp học như máy chiếu, nhiệt độ, âm thanh, ánh sáng, bàn ghế...) và ý hỏi thứ 8 (Môi trường tinh thần - mối quan hệ giữa giáo viên và sinh viên, giữa sinh viên và sinh viên, nhà trường - gia đình - xã hội, các yếu tố tâm lý...), sinh viên đánh giá hai yếu tố này là bằng nhau, đều chiếm quá nửa số lượng sinh viên được hỏi (53%).

Ngược lại, khi được hỏi về các hoạt động ngoài lớp học (hoạt động câu lạc bộ Tiếng Anh E4U, hoạt động gia sư...) và phần thưởng, sự khích lệ, hình phạt của giáo viên thì có ít sinh viên cho rằng hai yếu tố này có ảnh hưởng lớn đến động lực học Tiếng Anh trực tuyến của họ. Cụ thể là hai yếu tố này chỉ chiếm tỉ lệ lần lượt là 18% và 13%.

Qua phần phân tích trên, chúng ta có được cái nhìn tổng quát về các yếu tố ảnh hưởng đến động lực học Tiếng Anh trực tuyến của sinh viên. Rõ ràng là, sinh viên đánh giá cao vai trò của giáo viên. Không chỉ có vậy, yếu tố về nội dung của khóa học có vai trò rất lớn ảnh hưởng trực tiếp đến động lực học tập của các em. Ngoài ra, sinh viên cũng nhận thức được rằng yếu tố bản thân cũng có ảnh hưởng ngược trở lại đến chính các em. Cuối cùng, đó chính là cơ sở vật chất và môi trường học tập.

5. MỘT SỐ GIẢI PHÁP TĂNG ĐỘNG LỰC HỌC TIẾNG ANH CHO SINH VIÊN TRONG BỐI CẢNH HỌC KẾT HỢP TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

Rõ ràng là tất cả người học là không giống nhau và động lực học tập cũng khác nhau. Tuy nhiên, động lực có thể thay đổi. Vì động lực là yếu tố cần thiết trong việc học ngôn ngữ, nên một trong những nhiệm vụ trọng tâm của giáo viên và nhà giáo dục là xem xét các yếu tố ảnh hưởng đến động lực và đánh thức, duy trì và củng cố động lực của người học. Dựa trên các yếu tố ảnh hưởng đến động lực học tập đã được đề cập ở phần trên, nhóm tác giả đề xuất một số giải pháp để thúc đẩy động lực của người học.

5.1. Yếu tố giáo viên và phương pháp giảng dạy

Như chúng ta đã thấy, giáo viên là người đóng vai trò trung tâm trong quá trình giảng dạy và giáo viên cũng là yếu tố ảnh hưởng đến động lực học tập của người học. Trong để

án “Học kết hợp” tại Trường Đại học Công Nghiệp Hà Nội, giáo viên đóng vai trọng trong việc hướng dẫn, giám sát quá trình học trực tuyến, tương tác để biết những khó khăn trong quá trình học trực tuyến của sinh viên, từ đó đưa ra những phản hồi, giúp đỡ kịp thời. Giáo viên cũng chính là nhân tố tạo cho người học sự thích thú với môn học. Do vậy, việc tổ chức lớp học, thiết kế các hoạt động cần được chuẩn bị kỹ lưỡng để tạo sự vui vẻ, hứng thú cho sinh viên. Cụ thể, trước mỗi buổi học trên lớp, giáo viên cần nghiên cứu kỹ nội dung trực tuyến của bài học; từ đó, thiết kế các hoạt động lồng ghép các trò chơi ngôn ngữ nhằm mục đích ôn tập lại các kiến thức mà sinh viên đã được học trực tuyến trong một môi trường học thoải mái, không gây áp lực hay sự lo lắng, giúp cho người học thẩm thấu ngôn ngữ dễ dàng hơn. Các hoạt động này cũng sẽ chuẩn bị cho sinh viên ngữ liệu đầu vào về ngôn ngữ, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hành các hoạt động nói cho sinh viên và tối đa hóa sự tham gia của người học vào các hoạt động học tập. Như vậy, bằng sự chuẩn bị kỹ lưỡng về phương pháp và tạo ra môi trường học thân thiện, thoải mái, giáo viên đã thúc đẩy động lực bên ngoài, từ đó, sinh viên có hứng thú, niềm vui trong học tập (động lực bên trong).

Giáo viên đóng vai trò là người truyền cảm hứng học tập cho người học hay nói cách khác giáo viên chính là người thúc đẩy động lực bên trong cho người học. Để làm được việc này, giáo viên cần truyền cho người học niềm yêu thích với môn học, học không phải chỉ để lấy điểm số hay là việc hoàn thành các bài tập trực tuyến. Đối với việc ngôn ngữ thứ hai, người giáo viên nên giúp sinh viên tiếp cận các nguồn ngữ liệu để họ không chỉ học chủ động và mà cần học ngôn ngữ thụ động, ví dụ như xem phim, nghe nhạc, đọc truyện bằng ngôn ngữ đó. Và các nguồn ngữ liệu này cần phải phù hợp, vừa sức với trình độ của người học để tránh làm họ mất động lực hay mất hứng thú với môn học.

Tiếp đến là giảng viên cần phải không ngừng học tập, nâng cao trình độ chuyên môn trong lĩnh vực mà mình giảng dạy bằng việc tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn, dài hạn hoặc các buổi tập huấn trong ngành để nắm bắt những thay đổi trong lĩnh vực của mình. Một hình thức khác để nâng cao trình độ là thực hiện các công trình nghiên cứu và công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học hoặc các hội thảo khoa học chuyên ngành. Nhờ đó mà giảng viên có thể dễ dàng xây dựng và liên tục cập nhật nội dung tài liệu giảng dạy sao cho ngày càng sinh động và cuốn hút người học. Đồng thời, giảng viên nên nắm bắt mặt bằng trình độ của người học trong lớp để sử dụng các phương pháp và nội dung giảng dạy phù hợp. Việc đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tăng cường sự chủ động học tập của người học cũng cần được quan tâm để kích thích khả năng tìm tòi, học hỏi, và nghiên cứu, cũng như kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề trong cuộc sống bởi vì sự hứng thú trong học tập luôn có tác động tích cực đến động lực học tập của người học.

5.2. Yếu tố về nội dung khóa học

Nội dung khóa học bao gồm nguồn học liệu online và giáo trình học trên lớp của sinh viên. Để tạo động lực cho

người học, giáo viên cần đảm bảo hai nguồn tài liệu này phù hợp và vừa sức với người học. Sau mỗi khóa học, các giáo viên cần khảo sát lấy ý kiến từ người học về các nguồn học liệu để biết độ phù hợp của giáo trình về mặt nội dung, mục tiêu về ngôn ngữ, sự tương thích về trình độ của người học và độ khó của giáo trình; từ đó, có những điều chỉnh phù hợp mang tính cập nhật về nội dung và đáp ứng nhu cầu của người học.

Ngoài ra, việc nghiên cứu để xây dựng chương trình đào tạo phù hợp với nhu cầu xã hội là đòi hỏi quan trọng mà cơ sở giáo dục cần phải quan tâm. Chương trình đào tạo của một ngành phải có sự gắn kết định hướng nghề nghiệp mà ngành đó đào tạo; điều này sẽ giúp cho người học có động lực học tập đúng đắn trong việc trang bị những kỹ năng và kiến thức trong quá trình học tập trước khi tốt nghiệp. Nhà trường và khoa nên đẩy mạnh hơn nữa việc tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề, giao lưu giữa các doanh nghiệp, giảng viên và sinh viên của khoa. Điều này cũng làm tăng động lực học tập của sinh viên, bởi vì họ biết được vai trò của Tiếng Anh nói chung và Tiếng Anh theo định hướng nghề nghiệp đối với ngành nghề mà họ đang theo đuổi, biết được những kỹ năng và trình độ cần thiết để họ đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp và xã hội cũng như có một sự chuẩn bị đầy đủ hành trang cho công việc trong tương lai.

5.3. Môi trường học tập và cơ sở vật chất

Trong bối cảnh học tập kết hợp, về môi trường vật chất, để thúc đẩy động lực của người học thì cần tạo ra một môi trường học tập có đầy đủ các điều kiện vật chất như hệ thống phòng học với các trang thiết bị hiện đại, hệ thống mạng đảm bảo cho việc dạy và học được diễn ra một cách an toàn, hiệu quả. Hệ thống hỗ trợ trực tuyến cho người học cần được đảm bảo xuyên suốt, đưa ra trợ giúp kịp thời cho người học khi họ gặp các vấn đề về kỹ thuật.

Về môi trường tinh thần, giáo viên cần rút ngắn khoảng cách giữa giáo viên và sinh viên bằng cách thân thiện, khoan dung và không tạo ra bầu không khí căng thẳng trong lớp học. Điều này cũng có nghĩa là giáo viên cần tạo ra một môi trường học tập an toàn, thoải mái mà ở đó người học được là chính mình, có thể thử thách chính mình, có thể mạnh dạn bày tỏ quan điểm, ý kiến cá nhân mà không phải lo lắng về sự phản đối hay chỉ trích từ phía giáo viên và người học. Ngoài ra, người học có thể đóng góp ý kiến một cách thoải mái, không bị gây trở ngại, khó khăn hay hạn chế.

Bên cạnh đó, chúng ta cũng không được xem nhẹ những yếu tố chiếm tỉ lệ thấp. Khoa cũng cần đẩy mạnh các hoạt động ngoài lớp học ví dụ như là hoạt động câu lạc bộ và hoạt động gia sư để người học có thêm những cơ hội thực hành ngôn ngữ. Những hoạt động của câu lạc bộ và gia sư cần phải đa dạng và phong phú về nội dung và hình thức tổ chức nhằm tạo cho người học sự hứng thú.

6. KẾT LUẬN

Tóm lại, có rất nhiều yếu tố ảnh hưởng đến sự thành công trong việc học ngoại ngữ. Một trong những điều quan trọng nhất đó là động lực học tập của người học. Nó được

xem như là yếu tố then chốt quyết định thái độ và kết quả học tập của người học. Trong các yếu tố ảnh hưởng đến động lực học tập, yếu tố giáo viên, phương pháp giảng dạy, các nguồn học liệu, khóa học và môi trường học tập đóng vai trò quan trọng. Để thúc đẩy được động lực của người học, giáo viên cần có phương pháp giảng dạy phù hợp với mô hình học kết hợp, tạo ra môi trường học tập tích cực và một thái độ tích cực đối với ngôn ngữ đích bằng cách sử dụng đa dạng và thú vị các hoạt động, hình thức làm việc trong lớp học, đặt ra các mục tiêu ngắn hạn không quá khó đối với người học, xây dựng mối quan hệ tích cực với người học, đối xử với người học một cách tôn trọng, cẩn thận, công bằng và hiểu biết, tạo ra các điều kiện để thành công và cảm giác đạt được thành tựu với mục đích để tối ưu hóa sự tham gia, kích thích sự hứng thú với môn học và tăng động lực của người học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Alderman M. K., 1999. *Motivation for Achievement: Possibilities for Teaching and Learning*.
- [2]. Bomia L., Beluzo L., Demeester D., Elander K., Johnson M., Sheldon B., 1997. *The Impacts of Teaching Strategies on Intrinsic Motivation*. Champaign IL: Eric Clearinghouse on Elementary and Early childhood Education.
- [3]. Brown H. D., 1994. *Principles of Language Learning and Teaching*. New Jersey: Prentice Hall Regents.
- [4]. Carreira J. M., 2005. *New Framework of Intrinsic/Extrinsic and Integrative/ Instrumental Motivation in Second Language Acquisition*. The Keiai Journal of International Studies, No. 16.
- [5]. Dörnyei Z., 2001. *Motivational Strategies in the Language Classroom*. Cambridge University Press.
- [6]. Dubrin A., 2008. *Essentials of Management*. 8/E, South-Western.
- [7]. Duong Thi Kim Oanh, 2008. *Mot so nhan to tac dong toi dong co hoc tap cua sinh vien Truong Dai hoc Bach khoa Ha Noi*. Journal of Psychology, Vol 7 (112), tr. 51-57.
- [8]. Dang Thanh Hung, 2005. *Thiet ke bai hoc nham tinh cuc hoa hoc tap*. Vietnam Journal of Education, Vol 2.
- [9]. Do Huu Tai, Lam Thanh Hien, Nguyen Thanh Lam, 2016. *Determinants of student's learning motivation - An empirical case at Lac Hong University*. Journal of Science of Lac Hong University, Vol.5, 1-6.
- [10]. Harmer J., 2001. *The practice of English Language Teaching*. Longman Press.
- [11]. Olson G., 1997. *Motivation, Motivation, Motivation - Secondary School Educators*. Retrieved from sysiwyg://934/ http://7-12educators.about...-12educators/library/weekly/aa071897.htm.
- [12]. Phan Trong Ngo, 2005. *Day hoc va phuong phap day hoc trong nha truong*. Ho Chi Minh City University of Education Publishing House.
- [13]. Ushida E., 2005. *The role of students' attitudes and motivation in second language learning in online language courses*. CALICO journal, 23(1), 49-78.
- [14]. Williams M., Burden R. L., 1997. *Psychology for language teachers (Vol. 67)*. Cambridge University Press.

AUTHORS INFORMATION

Do Thanh Loan, Do Thi Huyen

Hanoi University of Industry